

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

Thực hiện Thông báo số 376/TB-HĐND ngày 23/10/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả Hội nghị liên tịch giữa Thường trực HĐND tỉnh với UBND, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh về nội dung, chương trình, thời gian công tác chuẩn bị, tổ chức kỳ họp chuyên đề và kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 của HĐND tỉnh khóa X;

Theo kết quả phiên họp UBND tỉnh ngày 10/11/2023;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại văn bản số 85/TTr-BDT ngày 21/11/2023,

UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Chương trình), năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

1. Ban hành cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện

a) Tình hình xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình:

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình và Điều 40 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành 04 Nghị quyết¹, kế hoạch và các quyết định triển khai thực hiện

¹ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2021 về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2022; Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất, lựa chọn đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh;

Chương trình². Ngoài ra, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành thường xuyên ban hành những văn bản hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện. 09/09 đơn vị cấp huyện đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hàng năm để làm cơ sở thực hiện tại địa phương.

b) Đánh giá thuận lợi, khó khăn, vướng mắc về ban hành và triển khai các cơ chế chính sách, hướng dẫn chung và các cơ chế chính sách, hướng dẫn đặc thù của địa phương trong thực hiện Chương trình:

Hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh đã được ban hành đảm bảo đầy đủ theo văn bản hướng dẫn của Trung ương và được bổ sung để phù hợp với đặc thù của tỉnh. Tuy nhiên, việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương còn chưa kịp thời, chưa thống nhất nên công tác triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn phân bổ còn gặp nhiều khó khăn, tiến độ chậm.

Nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện dự án, tiểu dự án đã được các bộ, ngành Trung ương ban hành, nhưng nội dung hướng dẫn còn chung chung, chưa cụ thể; một số hướng dẫn thiếu đồng bộ so với những quy định hiện hành, một số nội dung hướng dẫn chưa phù hợp với điều kiện triển khai thực hiện thực tế tại địa phương như: sự chồng chéo giữa một số văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương với Quyết định số 1719/QĐ-TTg; quy định địa bàn thụ hưởng phải đầu tư trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (trong khi toàn tỉnh còn 46 thôn (05 xã) thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn), đối tượng

Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

² Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh về việc giao điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn I: từ năm 2020 đến 2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình năm 2022 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn Chương trình năm 2022; Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chi tiết Kế hoạch vốn Chương trình năm 2022; Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình năm 2022 (đợt 1); Công văn số 2999/UBND-KGVX ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung phụ lục Kế hoạch Chương trình MTQG dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2022; Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Chương trình năm 2022 (đợt 2); Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình năm 2022 (Đợt 2); Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia những tháng còn lại năm 2022 và nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023; Công văn số 2761/UBND-KGVX ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai, tổ chức thực hiện Kết luận số 380-KL/TU ngày 25/6/2022 của BTV Tỉnh ủy và Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình năm 2023 và các văn bản tổ chức thực hiện của Trung ương, tỉnh, huyện; Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 21/2/2023 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 (đợt 1); Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình năm 2023 (đợt 1); Công văn số 619/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 về việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; Công văn số 624/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 về việc giải quyết vướng mắc trong thực hiện Chương trình (tổ chức họp giao ban trực tuyến về tiến độ triển khai, giải ngân vốn Chương trình); các quyết định phân bổ vốn và các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn trong thực hiện Chương trình.

thụ hưởng phải là hộ nghèo hoặc tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo dân tộc thiểu số tham gia thực hiện mô hình, dự án cao so với thực tế của tỉnh; một số định mức hỗ trợ quy định thấp hơn thực tế triển khai tại tỉnh như: hỗ trợ nhà ở, đất ở, sửa nhà ở; một số nội dung mới triển khai như: thúc đẩy sự kinh doanh, khởi nghiệp, thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị,... trước đây chưa có quy định chính sách thực hiện hoặc thiếu hướng dẫn quy định định mức cụ thể nên tỉnh gặp khó khăn trong ban hành các quy định cơ chế đặc thù, hướng dẫn triển khai thực hiện. Mặc dù, Trung ương đã ban hành một số văn bản điều chỉnh, bổ sung, thay thế hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình nhưng các khó khăn vướng mắc vẫn chưa được tháo gỡ; hiện nay, vẫn chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 9 và Tiểu dự án 2, Dự án 10: quy định thời gian xoay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất.

2. Công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình

a) Kiện toàn, tổ chức hoạt động của Ban Chỉ đạo, bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình

- Cấp tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bình Phước; Quyết định số 682/QĐ-BCĐ ngày 14/4/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

- Cấp huyện: Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình và xây dựng quy chế hoạt động, giao cơ quan công tác dân tộc làm cơ quan thường trực, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

- Cấp xã: Theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, UBND cấp huyện đã chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã rà soát, kiện toàn Ban Quản lý/Ban Chỉ đạo cấp xã do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; Thành lập Ban giám sát đầu tư cộng đồng, Ban phát triển thôn đảm bảo năng lực quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc Chương trình.

Ban Chỉ đạo đã giúp UBND tỉnh và các địa phương nghiên cứu, chỉ đạo, giải quyết những công việc liên quan đến quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình đảm bảo đúng quy định, phù hợp với thực tế địa phương.

b) Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình

Ban Chỉ đạo Chương trình cấp tỉnh, cấp huyện đã ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên tham gia thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình. Ở cấp tỉnh, UBND tỉnh giao Ban Dân tộc tỉnh là Ủy viên Thường trực Chương trình, đã phối hợp với các sở, ngành, địa phương chủ động tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình một cách kịp thời; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về UBND tỉnh, Tỉnh ủy, Ủy ban Dân tộc theo quy

định. Nhìn chung, công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong thời gian qua tương đối tốt; trong đó, đã tích hợp lồng ghép Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số, thực hiện tuyên truyền, triển khai chính sách, rà soát đối tượng;... Để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ quy định của từng ngành, địa phương, Ban Dân tộc tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn cho các đơn vị triển khai thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh.

Căn cứ vào các văn bản, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và nhu cầu đầu tư, hỗ trợ của UBND cấp huyện, chỉ tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch của các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND tỉnh ban hành Công văn số 619/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn thực hiện Chương trình thống nhất và đảm bảo theo quy định³.

c) Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình

Tỉnh Bình Phước đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình như: Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất, lựa chọn đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 619/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh;...

d) Cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực

Tổng nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn thực hiện giai đoạn I, từ năm 2022 đến năm 2025 theo kế hoạch phê duyệt 1.758.312 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương (NSTW): 1.177.253 triệu đồng (vốn đầu tư 793.410 triệu đồng, vốn sự nghiệp 383.843 triệu đồng).

³ (1) Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì tham mưu hướng dẫn, đơn đốc giải ngân, thanh toán nguồn vốn đầu tư theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; (2) Sở Tài chính: chủ trì tham mưu bố trí vốn đối ứng và phân bổ nguồn vốn sự nghiệp, đồng thời thực hiện thẩm định, quyết toán theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; (3) Sở Giáo dục và Đào tạo: hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 5; (4) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: hướng dẫn thực hiện Dự án 6; (5) Sở Y tế: hướng dẫn Dự án 7; (6) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: hướng dẫn, thực hiện Dự án 8; (7) Sở Lao động- Thương binh và Xã hội: hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 3, Dự án 5; (8) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3; (9) Sở Công Thương: hướng dẫn thực hiện nội dung 3 Tiểu dự án 2 Dự án 3 và Nội dung số 02, Dự án 4; (10) Liên Minh Hợp tác xã tỉnh: hướng dẫn thực hiện nội dung “Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 10; (11) Sở Thông tin và Truyền thông: hướng dẫn thực hiện nội dung thứ 2, Tiểu dự án 2, Dự án 10; (12) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội: hướng dẫn thực hiện vay vốn theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP; (13) Ban Dân tộc hướng dẫn các nội dung, tiểu dự án, Dự án theo Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của UBNDT.

- Ngân sách địa phương (NSDP) đối ứng thực hiện Chương trình là 177.247 triệu đồng (vốn đầu tư 119.671 triệu đồng, vốn sự nghiệp 57.576 triệu đồng).

- Nguồn vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: 101.600 triệu đồng.

- Nguồn lồng ghép thực hiện tích hợp Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số và nguồn vận động từ Quỹ vì người nghèo của tỉnh hỗ trợ trong nhiệm vụ xây dựng nhà ở là 302.211 triệu đồng.

Cụ thể như sau:

Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 563.116 triệu đồng; trong đó: NSTW 182.004 triệu đồng (ĐTPT 121.334 triệu đồng; SN 60.670 triệu đồng); NSDP 27.301 triệu đồng (ĐTPT 18.200 triệu đồng; SN 9.101 triệu đồng); Vay Ngân hàng Chính sách Xã hội 51.600 triệu đồng; lồng ghép Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số 148.827 triệu đồng; huy động, lồng ghép vốn hợp pháp khác: 153.384 triệu đồng.

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn và những nơi cần thiết: 499.045 triệu đồng; trong đó: NSTW 433.952 triệu đồng (ĐTPT 432.984 triệu đồng; SN 986 triệu đồng); NSDP 65.093 triệu đồng (ĐTPT 64.947 triệu đồng; SN 146 triệu đồng).

Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 144.352 triệu đồng; trong đó: NSTW 82.045 triệu đồng (vốn SN); NSDP 12.307 triệu đồng (vốn SN); vay Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh 50.000 triệu đồng.

Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 208.138 triệu đồng; trong đó: NSTW 180.990 triệu đồng (ĐTPT 170.435 triệu đồng; SN 10.555 triệu đồng); NSDP 27.148 triệu đồng (ĐTPT 25.565 triệu đồng; SN 1.583 triệu đồng).

Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 204.561 triệu đồng; gồm: NSTW 177.879 triệu đồng (ĐTPT 37.268 triệu đồng, SN 140.611 triệu đồng); NSDP 26.682 triệu đồng (ĐTPT 5.590 triệu đồng, SN 21.092 triệu đồng).

Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 60.771 triệu đồng; trong đó: NSTW 52.411 triệu đồng (ĐTPT 28.869 triệu đồng, SN 23.542 triệu đồng); NSDP 8.300 triệu đồng (ĐTPT 4.768 triệu đồng, SN 3.531 triệu đồng).

Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: 11.825 triệu đồng; trong đó: NSTW 10.283 triệu đồng (vốn SN); NSDP 1.542 triệu đồng (vốn SN).

Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: 12.403 triệu đồng; trong đó: NSTW 10.785 triệu đồng (vốn SN); NSDP 1.618 triệu đồng (vốn SN).

Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn; giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 30.524 triệu đồng; trong đó: NSTW 26.543 triệu đồng (vốn SN); NSDP 3.981 triệu đồng (vốn SN).

Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi; kiểm tra giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 23.637 triệu đồng; trong đó: NSTW 20.361 triệu đồng (ĐTPT 2.520 triệu đồng, SN 17.841 triệu đồng); NSDP 3.276 triệu đồng (ĐTPT 600 triệu đồng, SN 2.676 triệu đồng).

e) Lập kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện Chương trình

** Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn I: từ năm 2020 đến 2025 trên địa bàn tỉnh; mục tiêu cụ thể đến năm 2025 như sau:*

- Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 02 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm từ 1.000 hộ trở lên.

- Giải quyết đất ở cho 906 hộ; hỗ trợ nhà ở cho 2.628 hộ (sửa nhà ở 756 hộ và xây mới 1.872 hộ); hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, sinh kế, giải quyết việc làm 5.017 hộ.

- Hỗ trợ giải quyết nước sinh hoạt phân tán cho 3.500 hộ; đầu tư xây dựng 10 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ở xã chưa có công trình nước sinh hoạt tập trung (hoặc cải tạo các công trình giếng nước tập trung đã đầu tư từ các chương trình khác thời hạn trên 10 năm nay chưa có kinh phí duy tu sửa chữa, nâng cấp); hỗ trợ kéo điện sinh hoạt cho 960 hộ; hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh cho 768 hộ.

- Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa tối thiểu 50 km đường nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống Nhân dân; xây dựng 05 công trình điện.

- 98% phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ, hỗ trợ y tế, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đào tạo nghề khoảng 1.000 người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập khoảng 450 hộ dân tộc thiểu số và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức 04 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; thực hiện đầu tư bảo tồn 02 làng, bản... truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; hỗ trợ đầu tư xây dựng 100% thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn, ấp vùng dân tộc thiểu số và miền núi; bảo tồn 03 lễ hội truyền thống tiêu biểu; nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn 03 chương trình phát triển văn

hóa phi vật thể; hỗ trợ 30 đội văn nghệ được thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng 30 tủ sách cho các Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, ấp vùng dân tộc thiểu số; hỗ trợ trang thiết bị cho 30 Nhà văn hóa; hỗ trợ đầu tư xây dựng 02 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng dân tộc thiểu số; hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp 01 di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số theo khu vực và toàn quốc...

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở; hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về công tác dân tộc.

- Hỗ trợ cho khoảng 8.748 hộ được vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội với lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo và thời hạn vay tối đa là 15 năm để mua đất ở, xây dựng nhà ở và phát triển sản xuất, chăn nuôi, dịch vụ...

** Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm:*

- **Năm 2022:** Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh và triển khai thực hiện Chương trình năm 2022 trên địa bàn tỉnh; mục tiêu cụ thể như sau:

+ 100% xã có đường ô tô đến trung tâm được nhựa hóa, bê tông hóa; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học 2 trường phổ thông dân tộc nội trú.

+ Giải quyết nhu cầu cấp thiết của hộ dân tộc thiểu số, trong đó: Giải quyết đất ở cho 138 hộ; Giải quyết nhà ở cho 272 hộ; Hỗ trợ đất sản xuất (Chuyển đổi nghề) cho 540 hộ; Hỗ trợ nước phân tán cho 231 hộ; Nước sinh hoạt tập trung 03 công trình.

+ 90% phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ, hỗ trợ y tế, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Đào tạo nghề cho khoảng 300 người; tạo việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 100 hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã đặc biệt khó khăn.

+ Thực hiện đầu tư bảo tồn 01 làng, bản, buôn... truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; xây dựng 06 thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo tồn 01 lễ hội truyền thống tiêu biểu tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; tổ chức 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; hỗ trợ cho 09 đội văn nghệ được thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng 06 tủ sách cho các Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hỗ trợ trang thiết bị cho 05 nhà

văn hóa, thể thao tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở; hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho khoảng 500 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

Tổng kinh phí thực hiện: 238.120,95 triệu đồng; trong đó: NSTW là 195.713 triệu đồng (ĐTPT: 156.060 triệu đồng, SN: 39.653 triệu đồng); NSDP: 29.507,95 triệu đồng (ĐTPT: 23.803 triệu đồng, SN: 5.704,95 triệu đồng); vốn vay Ngân hàng CSXH: 12.900 triệu đồng. Cụ thể:

Dự án 1: 48.931,45 triệu đồng; trong đó: NSTW 31.543 triệu đồng (ĐTPT 25.450 triệu đồng, SN: 6.093 triệu đồng); NSDP 4.488,45 triệu đồng (ĐTPT 3.817,5 triệu đồng, SN 670,95 triệu đồng); vốn vay Ngân hàng CSXH: 12.900 triệu đồng.

Dự án 2: 89.627,55 triệu đồng; trong đó: NSTW 77.937 triệu đồng (ĐTPT); NSDP 11.690,55 triệu đồng (ĐTPT).

Dự án 3: 12.552,25 triệu đồng; trong đó: NSTW 10.915 triệu đồng (vốn SN); NSDP 1.637,25 triệu đồng (vốn SN).

Dự án 4: 47.972,75 triệu đồng; trong đó: NSTW 41.425 triệu đồng (ĐTPT 40.301 triệu đồng, SN; 1.124 triệu đồng); NSDP 6.547,75 triệu đồng (ĐTPT 6.379,15 triệu đồng, SN 168,60 triệu đồng).

Dự án 5: 23.647,45 triệu đồng; trong đó: NSTW 20.563 triệu đồng (ĐTPT 6.708 triệu đồng, SN 13.855 triệu đồng); NSDP 3.084,45 triệu đồng (ĐTPT 1.006,20 triệu đồng; SN 2.078,25 triệu đồng).

Dự án 6: 7.557,90 triệu đồng; trong đó: NSTW 6.526 triệu đồng (ĐTPT 5.210 triệu đồng, SN 1.316 triệu đồng); NSDP 1.031,9 triệu đồng (ĐTPT 834,50 triệu đồng, SN 197,40 triệu đồng).

Dự án 7: 1.068,35 triệu đồng; trong đó: NSTW 929 triệu đồng (vốn SN); NSDP 139,35 triệu đồng (vốn SN).

Dự án 8: 1.235,10 triệu đồng; trong đó: NSTW (vốn SN): 1.074 triệu đồng; NSDP (vốn SN): 161,10 triệu đồng.

Dự án 9: 2.945,15 triệu đồng; trong đó: NSTW (vốn SN): 2.561 triệu đồng; NSDP (vốn SN): 384,15 triệu đồng.

Dự án 10: 2.583 triệu đồng; trong đó: NSTW 2.240 triệu đồng (ĐTPT 454 triệu đồng, SN 1.786 triệu đồng); NSDP 343 triệu đồng (ĐTPT 75,1 triệu đồng, SN 267,9 triệu đồng).

- **Năm 2023:** Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình năm 2023 trên địa bàn tỉnh; mục tiêu cụ thể như sau:

- + Phân đầu giảm tối thiểu 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.
- + Giải quyết đất ở cho 48 hộ; nhà ở cho 629 hộ (Xây dựng mới nhà ở là 431 hộ và sửa chữa nhà ở là 198 hộ); Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 1.300 hộ; Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 1.310 hộ; Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung 04 công trình.
- + Tiếp tục đầu tư các dự án Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn, biên giới và những nơi cần thiết; Phân đầu có trên 70% thôn có đường giao thông đến trung tâm được cứng hóa; đầu tư hoàn chỉnh một số công trình cơ sở hạ tầng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- + Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư; Xây dựng vùng nguyên liệu liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho các tổ hợp tác, hợp tác xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- + 95% phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ, hỗ trợ y tế, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
- + Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông bán trú vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Đào tạo nghề cho khoảng 500 người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 100 hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã đặc biệt khó khăn; Bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho khoảng 800 lượt cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ cơ sở, cộng đồng dân cư.
- + Thực hiện 01 cuộc khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa; 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn; 01 chương trình nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; xây dựng 01 mô hình văn hóa truyền thống; 01 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ 30 đội văn nghệ được thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao các thôn, ấp; Hỗ trợ trang thiết bị cho 10 Nhà văn hóa - Khu thể thao tại các thôn, ấp; Hỗ trợ chống xuống cấp 01 di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng 47 thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ đầu tư xây dựng 01 điểm đến du lịch tiêu biểu thuộc vùng đồng bào đồng dân tộc thiểu số và miền núi.
- + Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở; hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt cơ sở trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tổng kinh phí thực hiện 398.857 triệu đồng; trong đó: NSTW 300.881 triệu đồng (ĐTPT 201.962 triệu đồng, SN 98.919 triệu đồng); NS tỉnh: 59.892 triệu đồng (ĐTPT 50.000 triệu đồng (đối ứng 20.000 triệu đồng, Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số 30.000 triệu đồng), SN 9.892 triệu đồng); NS huyện 15.044 triệu đồng (ĐTPT 10.098 triệu đồng, SN 4.946 triệu đồng); nguồn vốn lồng ghép từ Quỹ vì người nghèo: 17.240 triệu đồng; vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội 5.800 triệu đồng. Cụ thể:

Dự án 1: 107.011 triệu đồng; trong đó: NSTW 46.931 triệu đồng (ĐTPT 30.000 triệu đồng; SN 16.931 triệu đồng); NS tỉnh 34.693 triệu đồng (ĐTPT 33.000 triệu đồng - có 30.000 triệu đồng tích hợp vốn NS tỉnh thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo dân tộc thiểu số; SN: 1.693 triệu đồng); NS huyện 2.347 triệu đồng (ĐTPT 1.500 triệu đồng, SN 847 triệu đồng); Quỹ vì người nghèo tỉnh 17.240 triệu đồng; Vốn vay Ngân hàng CSXH: 5.800 triệu đồng.

Dự án 2: 108.970 triệu đồng (vốn ĐTPT); trong đó: NSTW 95.000 triệu đồng, NS tỉnh 9.220 triệu đồng, NS huyện 4.750 triệu đồng.

Dự án 3: 20.663 triệu đồng (vốn SN), trong đó: NSTW 17.968 triệu đồng; NS tỉnh 1.797 triệu đồng; NS huyện: 898 triệu đồng.

Dự án 4: 72.479 triệu đồng, trong đó: NSTW 63.025 triệu đồng (ĐTPT 60.000 triệu đồng; vốn SN; 3.025 triệu đồng); NS tỉnh 6.303 triệu đồng (ĐTPT 6.000 triệu đồng; SN 303 triệu đồng); NS huyện 3.151 triệu đồng (ĐTPT 3.000 triệu đồng, SN 151 triệu đồng).

Dự án 5: 52.829 triệu đồng; gồm: NSTW 45.938 triệu đồng (ĐTPT 7.900 triệu đồng, SN 38.038 triệu đồng); NS tỉnh 4.594 triệu đồng (ĐTPT 790 triệu đồng, SN 3.804 triệu đồng); NS huyện 2.297 triệu đồng (ĐTPT 395 triệu đồng, SN 1.902 triệu đồng).

Dự án 6: 13.712 triệu đồng; trong đó: NSTW 11.851 triệu đồng (ĐTPT 8.336 triệu đồng, SN 3.515 triệu đồng); NS tỉnh 1.269 triệu đồng (ĐTPT 917 triệu đồng, SN 352 triệu đồng); NS huyện: 593 triệu đồng (ĐTPT 417 triệu đồng, SN 176 triệu đồng).

Dự án 7: 2.952 triệu đồng (vốn SN), trong đó: NSTW 2.567 triệu đồng; NS tỉnh 257 triệu đồng; NS huyện 128 triệu đồng.

Dự án 8: 3.327 triệu đồng (vốn SN), trong đó: NSTW 2.893 triệu đồng; NS tỉnh 289 triệu đồng; NS huyện 145 triệu đồng.

Dự án 9: 8.212 triệu đồng (vốn SN), trong đó: NSTW 7.141 triệu đồng; NS tỉnh 714 triệu đồng; NS huyện 357 triệu đồng.

Dự án 10: 8.702 triệu đồng, trong đó: NSTW 7.567 triệu đồng (ĐTPT 726 triệu đồng, SN 6.841 triệu đồng); NS tỉnh 757 triệu đồng (ĐTPT 73 triệu đồng, SN 684 triệu đồng); NS huyện 378 triệu đồng (ĐTPT 36 triệu đồng, SN 342 triệu đồng).

g) Thông tin, truyền thông, vận động

Công tác tuyên truyền về Chương trình luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo và xác định tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 12/10/2022 truyền thông về Chương trình trên địa bàn tỉnh; tỉnh đã chú trọng thực hiện nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và của toàn xã hội về ý nghĩa, mục đích của công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc; làm thay đổi tư tưởng, nhận thức và hành động của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các hộ nghèo, cận nghèo để chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững.

Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước đã đăng tin, phát sóng các tin thời sự về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số; tăng cường số giờ tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh tại các xã, phường, thị trấn; Ban Dân tộc tỉnh thực hiện biên tập, xuất bản và phát hành Bản tin dân tộc thiểu số và miền núi định kỳ 02 tháng/số và tích cực tuyên truyền công tác dân tộc trên trang Fanpage, Website Ban Dân tộc tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông và UBND các huyện, thị xã đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Chương trình tại địa phương như thực hiện phóng sự, chuyên mục trên Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước; đăng tải, công khai các hoạt động, văn bản cập nhật tình hình, kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình trên website, Fanpage của các đơn vị; thực hiện tốt công tác phát huy vai trò của già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để tăng cường tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số trong thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc tại địa phương.

h) Nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân

Nhằm nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân, Chương trình đã có Tiểu dự án 4, Dự án 5: thực hiện đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp; kinh phí thực hiện năm 2022 là 583,05 triệu đồng; năm 2023 là 3.005 triệu đồng; hiện nay, các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện và giải ngân vốn theo quy định.

i) Hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

Căn cứ văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh đã giao Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với các sở, ngành tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thị xã triển khai thực hiện rà soát, xác định đối tượng, xác định nhu cầu đầu tư, thực hiện các nhiệm vụ, nội dung, công trình, dự án để tổng hợp lấy ý kiến góp ý của thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình của tỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện theo quy định.

Đến nay, Ban Dân tộc đã thành lập 02 đoàn kiểm tra về kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; Ban Dân tộc của HĐND tỉnh giám sát thực hiện Chương trình theo kế hoạch hàng năm; Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh kiểm tra, giám sát hoạt động chính sách tín dụng (quản lý chặt chẽ nguồn vốn tín dụng từ bình xét, sử dụng vốn đến khi trả nợ vốn vay) nhằm thực hiện công khai, dân chủ và minh bạch trong việc sử dụng nguồn lực của nhà nước. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát thực tế nhu cầu hỗ trợ nhà ở, giám sát việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh;... Qua đó, đã kịp thời chấn chỉnh những sai sót, tồn tại, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình tại các địa phương.

Để kịp thời hướng dẫn, chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân nguồn vốn được giao của Chương trình trên địa bàn tỉnh, tỉnh tổ chức họp trực tuyến định kỳ từ cấp tỉnh đến cấp huyện; đã tổ chức được 17 phiên họp.

k) Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình:

- Về cơ chế: quy định cơ chế lồng ghép, huy động nguồn vốn; nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; tỷ lệ % dự án thực hiện cơ chế đặc thù;... phải xây dựng Nghị quyết trình HĐND tỉnh phê duyệt nên công tác triển khai thực hiện mất nhiều thời gian.

- Về nguồn vốn: Trung ương phân bổ chậm (tháng 5/2022), sau khi địa phương phê duyệt kế hoạch dự toán ngân sách giai đoạn 2021-2025 nên việc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định gặp khó khăn; một số chính sách đã phân bổ vốn nhưng ban hành quy định mức hỗ trợ còn chậm; năm 2023 phải triển khai thực hiện, giải ngân đồng thời nguồn vốn năm 2022 và năm 2023 nên gặp khó khăn.

- Về văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương: chưa kịp thời, chưa đồng bộ, các hướng dẫn còn chưa cụ thể, chồng chéo, chưa phù hợp thực tiễn của tỉnh; hiện nay, vẫn chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện Tiêu dự án 1, Dự án 9 nên một số chính sách chưa triển khai thực hiện giải ngân được vốn theo quy định (liên quan vốn sự nghiệp).

- Đối tượng, địa bàn thụ hưởng: do quá trình thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch để đăng ký nhu cầu thực hiện Chương trình với trung ương được thực hiện từ đầu năm 2020, đến gần cuối năm 2022 tỉnh mới phân bổ vốn cho các đơn vị, địa phương thực hiện nên một số đối tượng đã thoát nghèo qua các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của tỉnh; một số xã thụ hưởng Chương trình đã về đích nông thôn mới nên đối tượng, địa bàn thực hiện Chương trình bị giảm so với kế hoạch đăng ký ban đầu, dẫn đến không phân bổ được hết nguồn vốn hoặc vốn phân bổ không thực hiện giải ngân được.

3. Kết quả triển khai thực hiện giải ngân nguồn vốn chương trình

a) Kế hoạch phân bổ vốn thực hiện Chương trình năm 2022, năm 2023

Tổng kế hoạch nguồn vốn đã phân bổ thực hiện Chương trình là 526.103 triệu đồng, gồm: vốn ĐTPT 394.022 triệu đồng (NSTW 358.022 triệu đồng, NS tỉnh 36.000 triệu đồng); vốn SN 132.081 triệu đồng (NSTW 118.313 đồng, NS tỉnh 13.768 triệu đồng). Nguồn vốn không phân bổ được 21.274 triệu đồng, vốn sự nghiệp (NSTW 20.259 triệu đồng, NS tỉnh 1.015 triệu đồng), do nhu cầu thực hiện không còn. Cụ thể:

- Năm 2022: Tổng kinh phí phân bổ 216.604 triệu đồng; gồm: vốn ĐTPT 172.060 triệu đồng (NSTW 156.060 triệu đồng, NS tỉnh 16.000 triệu đồng); vốn SN 44.544 triệu đồng (NSTW 39.653 đồng, NS tỉnh 4.891 triệu đồng).

- Năm 2023: Tổng kinh phí phân bổ 309.499 triệu đồng, gồm: vốn ĐTPT 221.962 triệu đồng (NSTW 201.962 triệu đồng, NS tỉnh 20.000 triệu đồng); vốn SN 87.537 triệu đồng (NSTW 78.660 đồng, NS tỉnh 8.877 triệu đồng). Nguồn vốn chưa phân bổ: 21.274 triệu đồng, vốn sự nghiệp (NSTW 20.259 triệu đồng; NS tỉnh 1.015 triệu đồng).

b) Kết quả thực hiện giải ngân nguồn vốn năm 2022, năm 2023:

Lũy kế giải ngân đến ngày 30/10/2023 là 232.279 triệu đồng; đạt 47,60% so với kế hoạch vốn phân bổ. Trong đó, vốn ĐTPT 218.215 triệu đồng, đạt 61,31%; vốn SN 14.065 triệu đồng, đạt 10,65%. Ước thực hiện giải ngân đến hết ngày 31/12/2023 là 469.848 triệu đồng, đạt 89% so với kế hoạch vốn phân bổ; gồm: vốn ĐTPT 390.133 triệu đồng, đạt 98,75%; vốn SN 79.715 triệu đồng, đạt 60,35% so với tổng số vốn được phân bổ; chưa tính 21.274 triệu đồng vốn sự nghiệp, không phân bổ được do nhu cầu thực hiện không còn.

- Năm 2022: Lũy kế giải ngân đến ngày 30/10/2023 là 152.924 triệu đồng; đạt 72,1% so với kế hoạch vốn phân bổ. Trong đó, vốn ĐTPT 143.455 triệu đồng, đạt 83,37%; vốn SN 9.469 triệu đồng, đạt 23,62%. Ước thực hiện giải ngân đến hết ngày 31/12/2023 là 201.522 triệu đồng, đạt 93% so với kế hoạch vốn phân bổ; gồm: vốn ĐTPT 169.586 triệu đồng đạt 98,56% so với kế hoạch vốn phân bổ; vốn SN 31.936 triệu đồng đạt 71,69% so với kế hoạch vốn phân bổ.

- Năm 2023: Lũy kế giải ngân đến ngày 30/10/2023 là 79.355 triệu đồng; đạt 28,8% so với kế hoạch vốn phân bổ. Trong đó, vốn ĐTPT 74.760, đạt 40,66%; vốn SN 4.595 triệu đồng, đạt 5%). Ước thực hiện giải ngân đến hết ngày 31/12/2023 là 268.289 triệu đồng, đạt 87% so với kế hoạch vốn phân bổ; gồm: vốn ĐTPT 220.547 triệu đồng, đạt 99,36% so với kế hoạch vốn phân bổ; vốn SN 47.742 triệu đồng đạt 54,54% so với kế hoạch vốn phân bổ (*Kèm theo biểu tổng hợp chi tiết*).

4. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình

a) Những thuận lợi

Việc triển khai thực hiện Chương trình sẽ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các nguồn lực của Chương trình đã và đang tập trung đầu tư phát triển các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ dân sinh (đường giao thông, công trình phục vụ sản xuất, các công trình về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, văn hóa,...) tập trung vào địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hoạt động đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm góp phần giải quyết việc làm ổn định cho lao động người dân tộc thiểu số; thông qua hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế góp phần nâng cao thu nhập cho người dân; công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được quan tâm. Cùng với việc thực hiện các chính sách dân tộc, việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh đã góp phần thực hiện tốt công tác xóa đói, giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số; công tác chăm sóc sức khỏe, giáo dục được chuyển biến tích cực.

Mặc dù Chương trình mới được đưa vào tổ chức thực hiện tại địa phương từ giữa năm 2022 đến nay, nhưng với sự nỗ lực và tính chủ động trong triển khai thực hiện Chương trình, đến nay, tỉnh đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ xây dựng, ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; đã thực hiện lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn nên một số chỉ tiêu ước đến 31/12/2023 hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch như: tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm được rải nhựa hoặc bê tông; tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện; tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường; tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; các chỉ số về y tế: tỷ lệ phụ nữ sinh con tại các cơ sở y tế, tỷ lệ phụ nữ mang thai khám định kỳ, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng;... Trong triển khai thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thì nguồn vốn đầu tư phát triển được thực hiện thuận lợi hơn, nhất là vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, do ít gặp vướng mắc trong quy định về cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện Chương trình.

b) Những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Chương trình

Là Chương trình mới, nhiều nội dung, tiểu dự án, dự án; liên quan đến 16 bộ, ngành trung ương; được tổ chức thực hiện thực tế tại tỉnh từ giữa cuối năm 2022 đến nay; mặc dù, các sở, ngành, huyện, thị đã nỗ lực tham mưu tổ chức thực hiện Chương trình, nhưng quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như sau:

- Dự án 2: Tỉnh được phê duyệt 08 dự án, có 03 dự án nằm trên địa bàn 03 xã biên giới: xã Lộc Thịnh, xã Lộc Tấn và xã Lộc An, huyện Lộc Ninh; hiện nay, 03 xã này đã về đích nông thôn mới nên gặp khó khăn trong phân bổ nguồn vốn thực hiện.

- Tiểu dự án 1, Dự án 3: Theo quy định phân bổ nguồn vốn cho cấp huyện thực hiện; thực tế tại tỉnh chủ trì thực hiện nội dung, dự án phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh đều do các Ban Quản lý rừng phòng hộ (Bù Đốp, Đắc Mai,...), trực thuộc Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý Vườn quốc gia Bù Gia Mập thực hiện. Nhưng các đơn vị này không được phân bổ vốn theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày

12/7/2022 của HĐND tỉnh nên gặp khó khăn trong phân bổ thực hiện nguồn vốn theo quy định.

- Tiểu Dự án 2, Dự án 3: quy định đối tượng thụ hưởng là các hộ nghèo, cận nghèo; trong khi tham gia phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị đòi hỏi có vùng nguyên liệu, đồng bộ chất lượng sản phẩm sau thu hoạch (người dân tham gia chuỗi liên kết phải có tư liệu sản xuất, có trình độ sản xuất và ít nhất phải có đất sản xuất). Qua khảo sát thực tế 07 xã trên địa bàn 2 huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng: 60-70% hộ nghèo và cận nghèo không có đất sản xuất, số có đất thì diện tích rất ít, phân tán nhỏ lẻ nên không thực hiện liên kết được chuỗi giá trị.

- Tiểu dự án 1, Dự án 5: tỉnh có 06/07 Trường Dân tộc nội trú không nằm trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, theo quy định không thuộc địa bàn đầu tư Chương trình; nhưng các trường này thực hiện nhiệm vụ đào tạo con em học sinh dân tộc thiểu số ở các xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi (các trường còn thiếu các hạng mục: nhà ăn, các phòng học chức năng, phòng công vụ, sân trường,... rất khó khăn trong việc dạy và học) nên gặp khó khăn trong phân bổ nguồn vốn thực hiện.

- Tiểu dự án 2, Dự án 5: Quy định việc cấp chứng chỉ cho các đối tượng tham gia bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ Nội vụ, mà thời gian bồi dưỡng chỉ 05 ngày nên gặp khó khăn trong triển khai thực hiện; mặt khác, công tác bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số, theo quy định tỉnh thẩm định 138,25 triệu đồng/lớp (50 học viên), thực tế Trường Đại học Trà Vinh thực hiện 300 triệu đồng/lớp (50 học viên) nên không thực hiện được.

- Tiểu dự án 3, Dự án 5: Đối tượng tham gia đào tạo nghề, giải quyết việc làm rất hạn chế so với kế hoạch đăng ký ban đầu; nên khó khăn trong việc chiêu sinh mở lớp đào tạo nghề giải quyết việc làm cho người dân tộc thiểu số, do người lao động chủ động tự tìm việc làm, trực tiếp ký kết hợp đồng với công ty, xí nghiệp,... qua đó người lao động được học nghề và tuyển dụng giải quyết việc làm.

- Tiểu Dự án 1, Dự án 9: Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách nên chưa triển khai thực hiện được.

- Tiểu Dự án 2, Dự án 10: Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nên chưa triển khai thực hiện được.

c) Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

Một bộ phận hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã, thôn đặc biệt biệt khó khăn; địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 đã đạt chuẩn nông thôn mới, theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ là xã khu vực

I nên không còn được hưởng các chính sách hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước (trong lĩnh vực giáo dục, y tế, CBCC, BHYT,... bị ảnh hưởng nhiều nhất) đã ảnh hưởng đến đời sống của người dân; trong khi số hộ đã thoát nghèo chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao.

Chương trình mới, có nội dung rộng, quy mô lớn, liên quan đến nhiều lĩnh vực thuộc thẩm quyền trách nhiệm quản lý của nhiều ngành nên phát sinh những vấn đề về quy định, nội dung hướng dẫn của Trung ương đang trong quá trình hoàn thiện cơ chế chính sách. Hiện nay, còn thiếu sự đồng bộ và chưa đầy đủ hướng dẫn thực hiện cụ thể đối với cơ chế lồng ghép nguồn lực, phân cấp, phân quyền trong quy định thực hiện Chương trình của Trung ương nên tình trạng gặp lúng túng, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thực hiện Chương trình.

Cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì, thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình có sự tham gia của nhiều đơn vị, địa phương; quá trình phối hợp thực hiện hoàn thiện văn bản triển khai thực hiện Chương trình nhiều bước, quy trình, thủ tục theo quy định, dẫn đến sự chậm trễ nhất định tiến độ thực hiện Chương trình.

Quá trình xây dựng triển khai thực hiện Chương trình bị kéo dài, dẫn đến tính chính xác của nhiều thông tin, số liệu được rà soát, đề xuất nhu cầu thực hiện các chính sách cho đến khi triển khai thực hiện thực tiễn không còn phù hợp (nhất là số liệu liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo); dẫn đến thay đổi nhu cầu đầu tư theo đối tượng, nội dung, địa bàn tại thời điểm triển khai so với thời điểm đề xuất nhu cầu kế hoạch.

Bộ máy biên chế của Cơ quan làm công tác Dân tộc còn khó khăn, nhất là ở cấp huyện nên ảnh hưởng đến việc tham mưu cho Cấp ủy, chính quyền gặp khó khăn; dẫn đến việc phối hợp triển khai thực hiện Chương trình còn chưa tốt như: thực hiện chế độ báo cáo, đề xuất nhu cầu, góp ý dự thảo văn bản,... ở cấp huyện thực hiện còn chậm nên tiến độ thực hiện nhiệm vụ chung của tỉnh bị chậm tiến độ được giao.

5. Bài học kinh nghiệm

a) Về quán triệt, chấp hành, cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách:

Công tác quán triệt, thông tin tuyên truyền, vận động phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời, có chiều sâu về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để người dân thật sự biết, nắm, hiểu thông suốt và trở thành nhân tố tích cực tham gia góp sức vào việc thực hiện Chương trình.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trong quán triệt, chấp hành, cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật để thực hiện Chương trình.

Đổi mới linh hoạt về phương pháp, phong cách lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ về Chương trình; đội ngũ cán

bộ, công chức cần được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về lý luận, năng lực chuyên môn và kiến thức thực tiễn trong thực hiện Chương trình.

Phát huy vai trò của già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để tuyên truyền, vận động, nhất là việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, quan điểm của Đảng, Nhà nước về những vấn đề liên quan đến triển khai Chương trình. Thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số để đảm bảo các nội dung hỗ trợ sát với thực tiễn yêu cầu và đảm bảo tính cần thiết hỗ trợ của chính sách. Quan tâm kịp thời, đúng mức công tác biểu dương, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân điển hình, tạo phong trào thi đua mạnh mẽ, củng cố niềm tin trong nhân dân, tạo hưởng ứng và đồng thuận của xã hội trong thực hiện Chương trình.

b) Về ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chương trình

Tỉnh ủy, HĐND, UBND cấp tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn kịp thời, đồng bộ, theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương, thể hiện sự đổi mới tư duy, sáng tạo về xây dựng và thực hiện Chương trình; các văn bản hướng dẫn có sự tham gia của các địa phương, sát với thực tế và phù hợp hơn với điều kiện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Các đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình cần chủ động theo dõi, nghiên cứu, bám sát các văn bản liên quan quy định, hướng dẫn về cơ chế chính sách để phục vụ công tác quản lý, điều hành thực hiện Chương trình.

c) Về lãnh đạo chỉ đạo, tổ chức, điều hành, thực hiện Chương trình

Công tác chỉ đạo tổ chức, điều hành, thực hiện Chương trình cần được triển khai đồng bộ, bao quát, thống nhất một đầu mối từ tỉnh đến cơ sở; đảm bảo sự quyết liệt, đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo, chấp hành, cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật để tổ chức thực hiện Chương trình từ tỉnh đến cơ sở.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự điều hành của chính quyền các cấp, đặc biệt phát huy tối đa sự tham gia, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội, của người dân trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương.

Chú trọng bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình, nhận thức đúng đắn, thống nhất quan điểm trong chỉ đạo, điều hành và nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đến kết quả cuối cùng. Trong chỉ đạo, điều hành, phải suy nghĩ, cân nhắc kỹ lưỡng, tư tưởng thông suốt, quyết tâm lớn, nỗ lực cao, hành động phải quyết liệt, hiệu quả, khẩn trương thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, dứt điểm.

Các cơ quan được phân công chủ dự án, tiểu dự án cần nâng cao trách nhiệm, vai trò trong công tác phối hợp thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo yêu cầu của



các cấp, các ngành; thường xuyên trao đổi, phối hợp để đảm bảo hiệu quả, tiến độ quản lý, điều hành, tổ chức triển khai Chương trình.

d) Về kiểm tra, đánh giá, giám sát

Tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát để kịp thời phát hiện vướng mắc, bất cập khó khăn và sớm có giải pháp tháo gỡ; đồng thời tránh được những vi phạm để không gây ra hậu quả nghiêm trọng trong quá trình thực thi Chương trình.

Kết hợp giữa công tác kiểm tra, giám sát, nắm bắt tình hình triển khai thực hiện đồng thời với đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để phát huy hiệu quả kết quả kiểm tra, giám sát với ngăn ngừa các vi phạm có thể xảy ra trong quá trình triển khai Chương trình; định kỳ đánh giá, phát hiện, chấn chỉnh kịp thời các hạn chế, thiếu sót.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân; kịp thời tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình.

e) Về tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án

Các đơn vị, địa phương cần chủ động và kịp thời trong công tác rà soát, xác định mục tiêu, đối tượng, nội dung, hoạt động, danh mục đầu tư thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thuộc Chương trình phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và nhu cầu thực tế của địa phương, đơn vị để xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

Việc đẩy mạnh phân cấp cho các xã làm chủ đầu tư cần gắn với việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ quản lý và giám sát Chương trình, đảm bảo có đội ngũ cán bộ, công chức đủ năng lực, kinh nghiệm, chuyên môn.

Cần có chính sách khuyến khích phân cấp trao quyền tự chủ cho cấp xã trong quản lý các dự án thuộc Chương trình; việc phân cấp quản lý phải phù hợp với ý thức và trình độ cán bộ địa phương; UBND cấp huyện cần có lộ trình phân cấp cụ thể và cử cán bộ chuyên môn phụ trách hỗ trợ tại những địa bàn mà trình độ, năng lực của cán bộ được phân cấp, phân quyền chưa đủ đảm bảo để đảm nhận thực thi.

g) Về lồng ghép, phối hợp tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; việc tích hợp các chương trình mục tiêu khác; phối hợp tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách trên cùng địa bàn

Phát huy sự đoàn kết, nhất trí, đồng lòng, qua đó huy động và phát huy tổng hợp sức mạnh nguồn lực của địa phương, khối đại đoàn kết toàn dân tộc; luôn bám sát chủ trương của Đảng, tuân thủ chính sách, pháp luật của Nhà nước; đặt lợi ích người dân lên trên hết trong chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc, vì sự phát triển và lợi ích chung.

Việc khuyến khích tăng cường triển khai một số nguyên tắc mang tính chủ trương như: tích hợp nội dung, lồng ghép nguồn lực, phân cấp và trao quyền, cần đi đôi với hoàn thiện văn bản hướng dẫn cụ thể, đồng bộ để tạo thuận lợi cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện; tránh tình trạng các nguyên tắc được đưa vào kế hoạch, nhiệm vụ nhưng lại gặp bất cập, vướng mắc khó triển khai do chưa có quy định cụ thể hoặc không phù hợp.

Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chủ trì các nội dung, hoạt động cụ thể thuộc Chương trình; làm tốt công tác phối kết hợp giữa các cấp, các ngành; tránh sự chồng chéo trong phân công nhiệm vụ, không đơn vị chịu trách nhiệm.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2024

Nhằm tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình trên địa bàn tỉnh; năm 2024, UBND tỉnh chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh tiếp tục phối hợp với các sở, ngành, đơn vị của tỉnh, UBND cấp huyện tham mưu thực hiện như sau:

1. Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình năm 2024 trên địa bàn tỉnh một cách cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế; tham mưu bố trí nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh và phân bổ kịp thời nguồn vốn thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án của Chương trình theo quy định.

2. Triển khai thực hiện phân bổ nguồn vốn Chương trình đúng theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện, giải ngân nguồn vốn Chương trình theo văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình của Trung ương, đảm bảo đúng quy định; kịp thời thực hiện hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Chương trình.

4. Chỉ đạo tăng cường thực hiện theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình, nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc để có biện pháp tháo gỡ kịp thời cho các đơn vị triển khai thực hiện; chỉ đạo các sở, ngành tăng cường hướng dẫn thực hiện các Thông tư, văn bản của Bộ, ngành Trung ương cho thống nhất theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 619/UBND-KGVX ngày 28/02/2023 về tổ chức thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

5. Tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân nguồn vốn phân bổ; chỉ đạo theo dõi tiến độ thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn hoặc báo cáo, đề xuất cấp thẩm quyền tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nhằm đảm bảo việc phân bổ nguồn vốn của Chương trình đúng theo các văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương, tình hình thực tế của địa phương, UBND tỉnh kiến nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ- HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024. UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh, các vị đại biểu HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT.HĐND tỉnh, BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, P.KG-VX, T-09_{21/11}.


CHỦ TỊCH
 Trần Tuệ Hiền



**TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2022, NĂM 2023 (Ước đến 31/12/2023)**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số ~~401~~ /BC-UBND ngày 21 /M/2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn phân bổ (triệu đồng) năm 2022, Năm 2023									Kết quả giải ngân (triệu đồng)									Tỷ lệ giải ngân (%)		
		Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Năm 2022			Năm 2023			Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Năm 2022			Năm 2023			Tổng	Năm 2022	Năm 2023
					Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN				Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN	Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn SN			
TỔNG CỘNG		526.103	394.022	132.081	216.604	172.060	44.544	309.499	221.962	87.537	469.848	390.133	79.715	201.559	169.586	31.973	268.289	220.547	47.742	89	93	87
1	Dự án 1	86.323	60.995	25.328	34.698	27.995	6.703	51.625	33.000	18.625	77.259	58.665	18.594	30.177	26.125	4.052	47.082	32.540	14.542	90	87	91
2	Dự án 2	189.951	189.951	-	85.731	85.731		104.220	104.220		189.951	189.951		85.731	85.731		104.220	104.220		100	100	100
3	Dự án 3	32.572	-	32.572	12.454		12.454	20.118		20.118	11.888	-	11.888	11.888		11.888	-		-	36	95	-
4	Dự án 4	115.229	110.665	4.564	45.902	44.665	1.237	69.327	66.000	3.327	115.200	110.660	4.540	45.897	44.660	1.237	69.303	66.000	3.303	100	100	100
5	Dự án 5	51.449	16.069	35.380	22.855	7.379	15.476	28.594	8.690	19.904	37.587	16.069	21.518	13.775	7.379	6.396	22.829	8.690	14.139	73	60	80
6	Dự án 6	20.455	15.038	5.417	7.297	5.784	1.513	13.158	9.254	3.904	22.169	13.484	8.685	6.430	5.185	1.245	11.799	8.299	3.500	108	88	90
7	Dự án 7	3.919	-	3.919	1.068		1.068	2.851		2.851	2.654	-	2.654	1.068		1.068	2.654		2.654	68	100	93
8	Dự án 8	4.461	-	4.461	1.235		1.235	3.226		3.226	1.883	-	1.883	1.235		1.235	1.883		1.883	42	100	58
9	Dự án 9	10.690	-	10.690	2.829		2.829	7.861		7.861	2.829	-	2.829	2.829		2.829	-		-	26	100	-
10	Dự án 10	11.047	1.304	9.743	2.528	506	2.022	8.519	798	7.721	9.531	1.304	8.227	2.528	506	2.022	8.519	798	7.721	86	100	100